

Dòng họ của người Tày ở Việt Nam

Nguyễn Ngọc Thanh¹, Nguyễn Thùy Dương²

¹ Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: thanhvdth@gmail.com

² Trường Chính trị tỉnh Bắc Cạn.

Email: thuyduongtct@gmail.com

Nhận ngày 30 tháng 9 năm 2019. Chấp nhận ngày 29 tháng 11 năm 2019.

Tóm tắt: Dòng họ là khái niệm chỉ những người được khởi sinh từ cùng một thủy tổ, có quan hệ huyết thống. Mỗi cá nhân dòng họ thường được liên kết bởi ba mối quan hệ cơ bản, đó là: họ bố (họ nội), họ mẹ (họ ngoại) và họ bên vợ. Ở dòng họ người Tày, trưởng họ (*cốc họ*), có quyền hạn lớn nhất. Vị trí trưởng họ theo hình thức cha truyền, con nối, không qua bình bầu và miễn nhiệm. Mỗi dòng họ đều có quy ước mọi cá nhân trong dòng họ dù người đó giữ cương vị gì đều phải chấp hành. Do vậy, quy ước trở thành sợi dây vô hình, nhưng bền chặt cố kết mọi thành viên trong dòng họ với nhau.

Từ khóa: Dòng họ, trưởng họ, quy ước, người Tày.

Phân loại ngành: Dân tộc học

Abstract: Lineage refers to people who are born from the same ancestral family, related by blood. Individuals in the lineage are usually linked by three basic relationships, namely: the father's line (paternal), the mother's line (maternal) and the wife's line. Among Tay ethnic minority people's lineages, the chief of the line possesses the greatest authority. The position is hereditary, neither being voted for nor dismissed. Each lineage has rules that every member, no matter what position he or she holds, must comply. Therefore, the rules have become an invisible but durable string that ties all members of the lineage together.

Keywords: Lineage, chief of lineage, rules, Tay people.

Subject classification: Ethnology

1. Mở đầu

Người Tày có dân số 1.626.392 người [8], là dân tộc có dân số đứng thứ hai tại Việt

Nam, có mặt ở 63 tỉnh, thành phố. Người Tày được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm, tìm hiểu và đã có nhiều công bố trên các tạp chí chuyên

ngành hoặc in thành sách. Nghiên cứu về người Tày có hai khuynh hướng chủ yếu. Trước hết, là khuynh hướng tổng hợp, nghĩa là nghiên cứu khá toàn diện về các mặt địa lý tự nhiên, lịch sử tộc người, các đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội của một dân tộc. Khuynh hướng thứ hai, đi sâu vào từng lĩnh vực, *từng yếu tố* trong đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa [5, tr.44] bao gồm: hoạt động kinh tế truyền thống, ăn uống, trang phục, nhà ở, tín ngưỡng, nghi lễ vòng đời với một khối lượng công trình khá lớn. Tuy nhiên, những vấn đề liên quan đến dòng họ người Tày còn rất ít ỏi, đến nay, dưới góc nhìn Dân tộc học, Nhân học có một luận án tiến sĩ về *Dòng họ của người Tày ở huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn* [3], một luận văn thạc sĩ [2] một số mục ngắn trong sách: *Đến với người Tày và văn hóa Tày* [10] và *Văn hóa truyền thống dân tộc Tày ở Tuyên Quang* [7], hoặc nhắc tới rất sơ lược trong *Các dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam* [6]. Bài viết này, đề cập về dòng họ của người Tày ở Việt Nam.

2. Khái niệm về dòng họ

Dòng họ là một tổ chức, một thể chế cộng đồng có quan hệ huyết thống được hình thành trong một quá trình lịch sử. Ở bất kỳ xã hội nào, dòng họ là một hiện tượng lịch sử. Người trong một dòng họ đều được khởi sinh từ cùng một thủy tổ [4, tr.131]. Đó là những cộng đồng một số được xác nhận qua truyền thuyết về quê tổ hoặc hầu hết lưu lại trong các tộc phả, các gia phả, được truyền lại để con cháu biết người sáng lập là ai, mộ tổ cụ thể ở đâu, quê quán chỗ nào, ngày giỗ bao giờ [9, tr.593].

Dòng họ, thực hiện vai trò gắn kết các gia đình thành viên lại với nhau bằng tình thân cộng cảm dựa trên huyết thống, đồng thời là một phương tiện để xác định nguồn gốc và danh tính của các cá nhân. Dù không mang những đặc điểm đồng nhất đối với mọi tộc người và mọi bối cảnh lịch sử, bản thân dòng họ là một thực thể xã hội mang tính phổ quát, chung cho cả loài người và các thời đại. So với nhiều hình thức liên kết khác như cư trú (đô thị, làng xóm...), lợi ích (giai cấp, phường hội...) thì liên kết dòng họ là hình thức có vai trò chi phối cá nhân ở nhiều lĩnh vực và nhiều mức độ khác nhau [1, tr. 41].

Người Tày theo chế độ phụ hệ, phụ quyền. Theo đó, đối với mỗi cá nhân nam giới (Ego)³ của một dòng họ được liên kết bởi ba mối quan hệ, còn gọi là ba họ, đó là: họ bố của Ego (họ nội); họ mẹ của Ego (họ ngoại) và họ vợ của Ego, tức họ mà Ego đã lấy một người con gái và trở thành con rể. Nguyên tắc chung của việc xác định quan hệ thân tộc của chế độ phụ hệ là họ nội bên bố và họ ngoại bên mẹ.

Theo quan niệm của người Tày, dòng họ là toàn thể những người cùng huyết thống/máu mủ (*lượt lại*) - (*đúc lượt*) cùng ông tổ [6, tr. 180]. Dòng họ, tiếng Tày gọi là (*pì noọng tó cóc chỗ*), là những người cùng một dòng máu, được ghi tên tại đỉnh đầu của cây gia phả, việc lập cây gia phả lại căn cứ theo dòng bố, cho nên chỉ thành viên họ nội (nội tộc) mới được xem là người cùng dòng họ - phù hợp với nguyên tắc của chế độ phụ hệ điển hình. Ông tổ (*cóc chỗ*) của dòng họ - người được ghi tên tại đỉnh đầu của cây gia phả - phải là người mà con cháu còn biết tên gọi hay danh hiệu [3, tr. 40].

Đối với người Tày, một số từ ngữ biểu thị mối quan hệ huyết thống (trực hệ), như: kỵ (*pú chòi*), cụ (*pú chừa*), ông (*pú*), con (*lúc*), cháu (*lan*), chắt (*lín*), chắt (*lén*).

Người Tày có nhiều tên họ như Bế, Đàm, Đinh, Hà, Hoàng, La, Lộc, Lương, Lý, Ma, Nguyễn, Nông, Vi, Lục... Mỗi tên họ có thể gồm nhiều dòng họ khác nhau. Riêng tên họ Ma ở Định Hóa, Thái Nguyên có tới gần hai chục dòng họ, gồm Ma Bách, Ma Chương, Ma Công, Ma Doãn, Ma Duy, Ma Đình, Ma Khánh, Ma Khắc, Ma Phúc, Ma Quang, Ma Thế, Ma Tiến, Ma Tuấn, Ma Tử, Ma Văn, Ma Viết [11, tr.234]. Họ Hoàng ở Tuyên Quang, Hà Giang, Bắc Kạn cũng có hàng chục dòng họ⁴... Dòng họ có những quy định riêng như cách thức bài trí bàn thờ và nghi lễ thờ cúng tổ tiên, tang ma, ghi chép gia phả... qua đó, dù xa nhau đến mấy đời người trong cùng một dòng họ cũng có thể nhận biết được nhau. Một số dòng họ lớn, đông thành viên có thể được chia ra thành các chi họ. Mỗi chi lại được chia nhỏ thành cành, thành nhánh [11, tr.235]...

3. Tổ chức dòng họ

3.1. Trưởng họ

Trưởng họ (*cốc họ*), có quyền hạn lớn nhất trong một dòng họ và thường là người con trai cả của chi thứ nhất, dòng trưởng, các chi khác được gọi là dòng thứ, cho nên người ta gọi trưởng họ là anh cả (*pì chài cốc*). Vị trí trưởng họ được duy trì cả đời, theo hình thức thế tập, không qua bình bầu và miễn nhiệm (bỏ mất thì con trưởng thay). Trong trường hợp gia đình dòng trưởng không có con trai, kể cả khi đã nhận

con nuôi thì vị trí trưởng họ tiếp theo phải được chuyển sang cho dòng thứ, nhưng gia đình dòng trưởng vẫn không đánh mất tư cách là người bề trên (người cùng thế hệ nhưng thuộc dòng dưới vẫn phải xưng là em, không được xưng là anh/chị) [3, tr. 51].

Ở người Tày, dòng họ không có từ đường, nhà thờ họ. Nhà trưởng họ được coi là nhà gốc của dòng họ.

Trưởng họ có trách nhiệm phải giữ gìn bàn thờ tổ tiên, chăm lo hương hỏa của dòng họ, hòa giải vướng mắc giữa các thành viên, đại diện cho dòng họ hướng dẫn các thành viên sống và hành xử theo đúng truyền thống tập tục của văn hóa dòng họ. Trưởng họ là người có vai trò quan trọng trong các nghi lễ của các gia đình thành viên dòng họ. Khi tiến hành các nghi lễ hôn nhân, chủ gia đình phải đến hỏi trưởng họ xem đôi trai gái có vi phạm quy ước của dòng họ không. Đồng thời, trưởng họ có trách nhiệm xem ngày tổ chức lễ cưới cho đôi trai gái, tránh vào ngày mất của ông bà tổ tiên. Trong dòng họ có người qua đời, trưởng họ làm trưởng ban tang lễ. Bên cạnh đó, trưởng họ đứng ra vận động các thành viên đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau lúc thiếu thốn, khó khăn, khi gặp rủi ro. Giải quyết những bất hòa giữa các gia đình trong dòng họ và giữa dòng họ với các dòng họ khác cho ổn thỏa.

Để hỗ trợ cho *cốc họ*, một vài dòng họ (tiêu biểu là họ Đinh ở Bắc Kạn) có thêm vị trí phó họ hay phó chi, là con trai trưởng của gia đình dòng thứ, con ông chú (*pó áo*), cùng thế hệ với *cốc họ*. Nhìn chung, phó họ không có thực quyền, khi *cốc họ* đã già yếu và không còn minh mẫn phó họ mới có tiếng nói trong dòng họ. Vì thế, phó họ

không phổ biến, tiếng Tày không có thuật ngữ riêng chỉ người này [3, tr. 52].

Như vậy có thể thấy trưởng họ “là cánh chim đầu đàn” hướng dẫn và chèo lái con thuyền của dòng họ. Để đảm nhiệm vai trò đó, người trưởng họ luôn ý thức phải sống gương mẫu, gia đình hòa thuận để làm gương cho các thành viên trong họ noi theo và học tập.

3.2. Những người uy tín trong dòng họ

Trưởng họ (*cốc họ*) có địa vị và vai trò cao nhất, nhưng ý kiến của *cốc họ* không thể đi ngược lại quyền lợi chung của các thành viên dòng họ. *Cốc họ* đôi khi chỉ là người triệu tập và điều hành họp họ, còn việc đưa ra quyết định cuối cùng lại thuộc về các bậc bề trên cô, chú, bác. Nếu như vai trò của ông cậu (*khủ* - anh/em trai của mẹ) khá mờ nhạt, thì vai trò của bà cô (*mẻ a*) vẫn còn rất rõ nét trong hôn nhân và sinh hoạt tộc họ của người Tày. Cho dù đã thành “ma” của họ khác, các bà cô lại là những người phụ nữ duy nhất được mời đến để tham gia phê bình, đóng góp ý kiến trong buổi họp họ.

Khi chuẩn bị cỗ bàn, người ta có thể không mời ông cậu nhưng nhất định không được quên bà cô, có bao nhiêu người còn sống thì phải mời bấy nhiêu. Trong hôn nhân, nhà trai và nhà gái phải hỏi ý kiến của trưởng họ, các bà cô của hai bên thì mới được tổ chức lễ cưới [3, tr. 52].

Đề cập đến những người có uy tín không thể không nhắc tới những người hành nghề cúng bái như tào, mo, then, pụt. Tào là thầy phù thủy cao tay nhất, có thể cúng trong nhiều trường hợp khác nhau từ xem đất, chọn ngày, so tuổi đến việc lớn như đám tang hay cấp sắc. Mo là thầy pháp, chủ yếu cúng chữa bệnh. Then và Pụt vừa cúng

chữa bệnh, dâng sao giải hạn, cúng gọi hồn, chuộc vía mang tính chất shaman rõ nét. Mặc dù chiếm tỷ lệ nhỏ nhưng có ảnh hưởng rất to lớn đến người Tày [11, tr.229]. Ở một số địa phương, những nhân vật này có thể là trưởng họ.

Những người già trong dòng họ luôn có tiếng nói quan trọng, là chỗ dựa về mặt tinh thần, trao truyền văn hóa, tri thức tộc người cho con cháu.

Bên cạnh người già, những người sống gương mẫu, có trình độ học vấn, am hiểu phong tục tập quán và lễ nghi, được các thành viên trong dòng họ kính trọng và yêu quý.

Thế hệ trẻ ngày nay, mặc dù có trình độ học vấn cao, nhưng họ luôn thiếu kinh nghiệm sống. Do đó, những chỉ bảo của người già, người có uy tín có vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách và ứng xử văn hóa dòng họ và văn hóa tộc người. Góp phần quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy văn hóa người Tày được lưu giữ qua các thế hệ.

4. Một số quy ước của dòng họ

Mỗi dòng họ người Tày có quy ước khác nhau, nhưng cũng có một số điểm chung như quy ước về tổ chức họp họ vào dịp Thanh minh đi tảo mộ hoặc những ngày lễ tết trong năm.

Chẳng hạn, dòng họ Hoàng Khải ở Bắc Kạn, hằng năm từ ngày mùng 6 đến 12 Tết Nguyên đán họp các chi, ngày 16 tháng Giêng họp họ, (hoặc chủ nhật gần nhất sau 16 tháng Giêng). Để chuẩn bị cho buổi họp, trưởng họ sẽ thông báo thời gian, địa điểm tới các trưởng chi, trưởng ngành. Trước đây, thành phần tham gia họp họ là nam

giới, phụ nữ không được tham gia. Ngày nay, tất cả con cháu có gốc gác thuộc dòng họ đều có quyền tham gia. Địa điểm họp họ ở nhà trưởng họ. Nếu nhà trưởng họ chật chội sẽ chọn một nhà khác trong họ rộng rãi hơn. Trong buổi họp họ, trưởng họ tổng kết lại những công việc của dòng họ trong một năm, và thông qua kế hoạch sẽ triển khai của dòng họ ở năm mới. Theo quy ước, mỗi gia đình trong họ đóng một khoản tiền làm quỹ của dòng họ. Mặc dù, số lần tổ chức họp họ của các dòng họ người Tày không nhiều, nhưng đây chính là một hình thức gắn kết các thành viên trong dòng họ với nhau [3, tr.42].

Trong hôn nhân, theo quy ước những người được gọi là *lượt lại*, *đúc lượt* với nhau, nghĩa là thành viên của tổ chức dòng họ tính về phía cha (họ nội), không được lấy nhau, trừ những người họ xa, khác chi. Tuy nhiên, những người họ xa lấy nhau cũng rất hiếm [6, tr.180]. Đây là nguyên tắc ngoại hôn dòng họ mà người Tày cũng như nhiều dân tộc khác theo chế độ phụ hệ luôn tuân thủ chặt chẽ. Người Tày, không khuyến khích “từ anh em họ hàng mà trở thành thông gia” [10, tr.82]. Những trường “họp anh em lấy nhau”, “họ lấy họ” sẽ chịu những hình phạt nặng nề, hoặc bị đuổi ra khỏi làng.

Ở người Tày, quy ước xưng hô cũng khá rõ ràng, trong dòng họ, dường như không ai dám hỗn hào, bất kính với người ở vai (thứ bậc) trên của mình, dù người đó ít tuổi hơn. Chỉ có trẻ con chưa kịp thấm nhuần đạo lý này thì thoảng mới nhỡ quên mà xưng hô “mày tao chí tớ” với người có thứ bậc cao hơn nhưng cùng trang lứa. Trường hợp đó, nếu người lớn nghe được sẽ nhắc nhở ngay. Vậy nên, nhiều tuổi hơn vai dưới vẫn phải

gọi những người ít tuổi hơn bằng ông, bác, chú, di [5, tr.162]...

Việc nhận họ, nguyên tắc đầu tiên là phải cùng tên họ, có tục lệ giống nhau. Đặc biệt là nghi lễ cưới xin, ma chay, kiêng kỵ của hai bên phải có điểm tương đồng. Nhận họ phải được sự đồng ý của gia đình, và của trưởng họ sau khi đã được sự đồng tình thống nhất của dòng họ.

Ở một số nơi còn có phong tục nhận họ không phải là người đồng tộc. Theo đó, hai người đàn ông, bất kể là dân tộc nào, nếu có cùng tên họ, họp tính, họp nét và cảm thấy quý mến nhau thì có thể công nhận lẫn nhau là người cùng dòng họ. Ngoài ra, người Tày còn có tục kết bạn *tông*. Hai người cùng giới tính và có một điểm chung nào đấy ví như cùng tên, cùng tuổi, cùng ngày sinh, tháng đẻ hay cùng một sở thích hoặc có hoàn cảnh gia đình giống nhau thì có thể kết thân với nhau. Một khi đã nhận họ hay kết bạn *tông* rồi thì người ta coi nhau như anh em ruột thịt [11, tr.238].

Tục kết bạn *tông* rất phổ biến trong xã hội người Tày với những quy ước riêng của nó, được người Tày thực hiện nghiêm túc. Vì người nào đã kết bạn *tông* nhưng đối xử với bạn không tốt sẽ bị dân bản, dòng họ chê cười, mất lòng tin, con cái muốn kết bạn *tông* lần sau cũng khó. Đặc biệt, khi ông bà, bố mẹ bạn *tông* chết, hai vợ chồng người kết bạn phải sắm đồ tế lễ, chịu tang như con cháu trong nhà.

Việc khai trừ thành viên khỏi dòng họ chỉ xảy ra trong trường hợp loạn luân, hoặc vi phạm nghiêm trọng đến quy ước dòng họ. Người vi phạm được nhắc nhở nhiều lần nhưng không có sự thay đổi, gây ảnh hưởng đến uy tín, thanh danh của dòng họ, để dòng họ khác chê cười. Người bị khai trừ sẽ mất mọi quyền lợi, bị cả dòng họ quay

lung, ghế lạnh. Với sự trừng phạt nghiêm khắc kể trên nên hiếm có trường hợp nào bị khai trừ ra khỏi dòng họ [3, tr.57].

Về thừa kế, theo quy ước nhà cửa, ruộng nương, vật nuôi, vật dụng sinh hoạt và sản xuất đều là những loại tài sản có thể thừa kế từ thế hệ này sang thế hệ khác. Tùy vào điều kiện kinh tế gia đình mà người ta có cách phân chia tài sản khác nhau. Thông thường con trai được ưu tiên hơn, đây cũng là đặc điểm chế độ gia trưởng phụ quyền ở người Tày.

Trong việc phân chia tài sản, chỉ con trai mới có quyền thừa kế. Tài sản để phân chia gồm có ruộng, trâu, bò, ngựa, dê, lúa gạo, đồ dùng gia đình, công cụ sản xuất... việc phân chia tài sản được tiến hành khi bố mẹ về già hay đã qua đời, hoặc khi một trong số những người con trai cùng vợ con tách ra ở riêng. Nếu bố mẹ còn sống thì người bố sẽ đứng ra chia gia tài. Trong mỗi gia đình, khi con cái ra ở riêng đều được bố mẹ phân chia cho một phần tài sản. Với những gia đình khá giả bố mẹ lo làm nhà, cho trâu bò gia cầm, thóc gạo, nồi niêu, bát đĩa... nghĩa là tạo đủ cơ sở vật chất ban đầu để mỗi người con có thể tự lập được. Trong đa số trường hợp, con trưởng nhận phần nhiều hơn; các con trai khác chia đều nhau. Bố mẹ thường giữ lại một phần, có thể là thửa ruộng hay con trâu hoặc một số đồ đạc có giá trị, mà người Tày gọi là “*chượng cò kè*”. Phần tài sản này được gộp vào phần của người con (thường là con trưởng) mà bố mẹ sẽ chung sống trong độ tuổi già. Người con này không những phải nuôi bố mẹ, mà còn có trách nhiệm chăm lo việc tang ma và thờ cúng... Nếu bố mẹ qua đời, con trưởng cùng chú bác đứng ra chia tài sản của bố mẹ để lại. Trong trường hợp

này, gia sản thường chia đều nhau cho các anh em trai. Tuy nhiên, các em luôn dành cho anh cả phần nhiều hơn vì đã có công nuôi dưỡng bố mẹ trong một thời gian dài. Ngôi nhà của bố mẹ cũng thuộc phần anh cả... Phụ nữ không có quyền thừa kế tài sản tuy rằng chính họ góp phần đáng kể làm ra những của cải đó. [6, tr.177].

Người Tày ở Bạch Thông, Bắc Kạn có tục lệ chia một thửa ruộng cho con gái chưa lấy chồng để tự canh tác. Hoa màu thu hoạch được là của riêng con gái. Gặp lúc thiếu ăn thì gia đình mới mượn tạm, sau sẽ trả lại bằng hoa màu của vụ sau. Khi đi lấy chồng, cô gái được đem theo toàn bộ số hoa màu (hoặc tiền bán hoa màu) để riêng này, còn ruộng thì trả lại cho bố mẹ. Nhà trai mà khá giả thì cô gái để hết số hoa màu hoặc tiền lại, tuyệt đối không mang theo. Ngoài ra, con gái về nhà chồng còn được đem theo một số đồ vật sinh hoạt, trang sức và vật nuôi làm giống (thường là vài đôi gà hoặc vịt) với tư cách là quà tặng của họ hàng thân thuộc.

Với trường hợp gia đình không có con trai mà chỉ có con gái, người đi ở rể đời có quyền thừa kế hầu hết tài sản của bố mẹ vợ, bao gồm cả bàn thờ tổ tiên. Con trai nuôi cũng có quyền thừa kế tài sản như con trai ruột, cho dù gốc là người cùng họ hay khác họ, là người Tày hoặc không phải người Tày [3, tr.73].

Cũng từ lâu đời, mỗi dòng họ người Tày có quy ước tương trợ giúp đỡ nhau trong sản xuất cũng như trong sinh hoạt hằng ngày. Trong dòng họ, gia đình nào có việc làm nhà mới, cưới xin, tang ma... các gia đình khác tự giác đến giúp, có thể đóng góp bằng tiền bạc, hiện vật hoặc sức lao động...

Đặc biệt, trong đám tang, người Tày ở Bắc Kạn quy ước dòng họ viếng trước theo thứ tự bên nội (*pặng nả*), bên ngoại (*pặng lǎng*), con rể (*lục khươi*) [3, tr. 99]. Trong khi đó, đám tang của người Tày ở huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang lại quy ước đến phúng viếng người quá cố theo trình tự các gia đình trong bản; họ hàng bên nội, bên ngoại; bên vợ; con cái; cháu, chất, gọi là *hua nhàng*, theo trình tự như sau:

- Các gia đình trong bản viếng trước, do trưởng bản dẫn đầu. Theo quan niệm của người Tày, đây là lễ viếng mở đường cho người quá cố về thế giới với ông bà tổ tiên.

- Kha po, kha me, lễ viếng của hai bên nội, ngoại;

- Bường lǎng, lễ viếng bên đằng vợ;

- Lục nhìn, lục khươi, lục liệng: lễ viếng của con gái, con rể, con đẻ, con nuôi;

- Các cháu nội ngoại (*lan, lén, lín*): lễ viếng của các cháu, chất nội, ngoại.

Lễ vật của bốn *hua nhàng* bên trên giống nhau. Riêng lễ *hua nhàng* của *lục nhìn*, *lục khươi*, *lục liệng* thì có sự khác nhau. Đây được coi là lễ lớn nhất, xúc động nhất [7, tr.218]. Trong lễ tang, các thành viên trong gia đình và họ hàng trực tiếp tham dự mọi thủ tục nghi lễ dưới sự điều khiển của thầy Tào như tế cơm, làm tang, phá ngục, chia tài sản. Theo quy ước, dòng họ có người quá cố, các gia đình thành viên đều tự nguyện giúp đỡ tang chủ. Có thể là vài mét vải liệm, cân gạo, chai rượu, bó củi, con lợn, con gà và thậm chí cả tiền, các đồ vật cần trong tang lễ. Điều đó, thể hiện sự quan tâm về mặt tinh thần, trách nhiệm của những người cùng dòng họ đối với tang chủ.

5. Kết luận

Dòng họ là một tổ chức phi quan phương dựa trên quan hệ huyết thống tính theo dòng cha (phụ hệ), trong đó nguồn gốc tổ tiên luôn được coi trọng.

Trưởng họ (*cốc họ*) ở người Tày là người có uy tín, đạo đức, tích lũy nhiều kinh nghiệm sản xuất, am hiểu các nghi lễ, nắm chắc phong tục tập quán của dòng họ. Tiếng nói của trưởng họ có tác dụng rất lớn đối với công tác vận động quần chúng, nhờ đó đời sống ở mỗi làng bản của người Tày ngày càng tốt hơn. Cùng với trưởng họ, những người có uy tín trong dòng họ đều có vai trò quan trọng, được mọi người kính nể, tiếng nói của họ được mọi người nghe và làm theo.

Dòng họ có những quy ước riêng, được coi là “hệ thống pháp lý” quy định quyền lợi và nghĩa vụ của các thành viên trong dòng họ. Mặc dù, quy ước chỉ truyền miệng, nhưng được các thành viên trong dòng họ nghiêm túc thực hiện. Điều đó, góp phần quan trọng trong việc ổn định, trật tự, kỷ cương xã hội.

Bên cạnh những yếu tố tích cực của dòng họ đến quản lý và phát triển xã hội thì vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế. Trong bộ máy chính quyền, tư tưởng củng cố dòng họ, mở ra cả quan hệ thông gia đã kéo theo sự gia tăng tình trạng bè phái, móc ngoặc để củng cố quyền lực. Đó cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho trong bộ máy nhà nước các cấp nhiều người không đủ năng lực, phẩm chất để đảm đương chức vụ, công việc được giao, làm suy giảm hiệu lực hoạt động của bộ máy chính quyền. Thậm chí ở từng nơi, từng lúc có thể trở thành nguyên nhân dẫn đến những mâu

thuần, hiềm khích giữa họ này với họ khác, giữa địa phương này với địa phương khác.

Chú thích

³ Ego theo tiếng Latin có nghĩa là “Tôi”, đây cũng là ký hiệu trong dân tộc học biểu thị mối quan hệ của cái tôi với anh, em, cháu, chất trực hệ.

⁴ Nhiều tộc người ở Việt Nam, trùng tên họ, nhưng không cùng gốc. Đó là trường hợp họ Bùi ở người Mường, họ Hà ở người Thái... Các dòng họ ở người Tày cũng không phải là ngoại lệ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Tuấn Anh (2001), “Quan hệ dòng họ với việc tổ chức quyền lực địa phương”, Tạp chí Văn hoá - Nghệ thuật, số 8 (206).
- [2] Tạ Thị Anh (2017), *Biến đổi quan hệ dòng họ của người Tày ở xã Quan Lang, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn từ năm 1986 đến nay*, Luận văn thạc sĩ, Nhân học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội.
- [3] Triệu Quỳnh Châu (2017), *Dòng họ của người Tày ở huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn*, Luận án tiến sĩ Nhân học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Phan Đại Doãn (2010), *Làng xã Việt Nam - một số vấn đề kinh tế - xã hội - văn hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5] Bế Văn Hậu (2012), *Nghiên cứu một số nét biến đổi văn hóa người Tày tại Lạng Sơn trong quá trình đổi mới kinh tế - xã hội*, Luận án tiến sĩ Nhân học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6] Nhiều tác giả (1992), *Các dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*, Viện Dân tộc học, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Ngọc Thanh (Chủ biên - 2015), *Văn hóa truyền thống dân tộc Tày ở Tuyên Quang*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8] Tổng cục Thống kê (2010), *Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [9] Đặng Nghiêm Vạn (2007), *Văn hóa Việt Nam đa tộc người*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [10] Hà Văn Viễn và cộng sự (2004), *Bản sắc và truyền thống văn hoá các dân tộc tỉnh Bắc Kạn*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [11] La Công Ý (2010), *Đến với người Tày văn hóa Tày*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.